

Số: 2592/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 10 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cắt giảm kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020
chuyển sang năm 2021 và kế hoạch năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 30/8/2021 (khoản 17 Thông báo số 387/TB-UBND ngày 01/9/2021) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 176/TTr-SKHĐT ngày 25/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 và kế hoạch năm 2021, số tiền: 112.654.971.600 đồng (*Một trăm mười hai tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, sáu trăm đồng*), gồm kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 48.528.000.000 đồng và kế hoạch vốn năm 2021 là 64.126.971.600 đồng, đối với các dự án không có khả năng giải ngân trong năm 2021, cụ thể:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị có tên tại các Phụ lục chịu trách nhiệm nộp trả ngân sách tỉnh đối với kế hoạch vốn đầu tư cắt giảm trong thời hạn **không quá 03 ngày làm việc** và báo cáo đề xuất bổ sung khi có khối lượng giải ngân gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ cắt giảm, điều chỉnh kế hoạch vốn theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm rà soát, báo cáo chi tiết danh mục, nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách tỉnh của các dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh theo thứ tự ưu tiên (đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án đã có khối lượng thực hiện nhưng thiếu vốn bố trí, dự án có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đảm bảo khả năng giải ngân trong năm 2021, trong đó ghi rõ khối lượng đã thực hiện nhưng thiếu vốn bố trí, nhu cầu kế hoạch vốn cần bổ sung..) để UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án từ nguồn vốn được cắt giảm.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại các Phụ lục và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở GTVT;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



glae
Nguyễn Hồng Quang



Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CẮT GIẢM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn cắt giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi cắt giảm	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư									
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số							Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG SỐ						1.571.820	1.386.143	705.219	690.158	308.962,529805	42.892,859000	233.269,670805	112.654,971600	196.307,558205	
A	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021						855.019	740.251	496.952	481.891	160.205,744205	41.699,828000	118.505,916205	48.528,000000	111.677,744205	
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						61.105	61.105	37.800	37.800	19.877,296000	267,339000	19.609,957000	16.609,957000	3.267,339000	
	Trường THPT Trần Đại Nghĩa, huyện Quế Sơn	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7783949	560	074	3142-30/9/19	61.105	61.105	37.800	37.800	19.877,296000	267,339000	19.609,957000	16.609,957000	3.267,339000	Dự án vương GPMB, chưa triển khai thi công, không có khối lượng giải ngân
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						223.664	223.664	144.958	144.958	61.782,684000	6.877,979000	54.904,705000	12.470,186000	49.312,498000	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam, hạng mục: Khoa sản - nhi, khoa truyền nhiễm Lao; Khoa gây mê hồi sức - ngoại tiết niệu - tiêu hóa - Đông y, nhà đại thể, nhà cầu nổi, máy phát điện dự phòng, hệ thống PCCC	Sở Y tế	7487939	423	132	3448-31/10/14	145.993	145.993	107.482	107.482	37.642,527000	6.367,979000	31.274,548000	9.000,000000	28.642,527000	Dự án đang trình thủ tục điều chỉnh dự án (Công văn số 2052/SYT-KHTC ngày 06/8/2021)
2	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	7629202	423	139	3870-31/10/16	4.015	4.015	3.176	3.176	300,000000		300,000000	300,000000	-	Dự án đang làm thủ tục quyết toán, không đảm bảo khả năng giải ngân vốn
3	Hệ thống xử lý nước sinh hoạt, nước thải và mua sắm thiết bị y tế phòng khám đa khoa khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Sở Y tế	7474440	423	139	1608-26/5/14	13.686	13.686	10.800	10.800	1.000,000000		1.000,000000	670,186000	329,814000	Dự án đang quyết toán (chủ đầu tư đề xuất cắt chuyển tại Công văn số 2052/SYT-KHTC ngày 06/8/2021)
4	Cải tạo và nâng cấp Trung tâm y tế huyện Phước Sơn	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7823335	560	132	301-31/01/20	59.970	59.970	23.500	23.500	22.840,157000	510,000000	22.330,157000	2.500,000000	20.340,157000	Đang tổ chức chấm thầu để lựa chọn nhà thầu xây lắp
III	VĂN HÓA THÔNG TIN						1.875	1.875	1.470	1.470	200,000000	-	200,000000	200,000000	-	
1	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích căn cứ Tỉnh Ủy Quảng Nam	Sở VH-TT&DL	7800230	425	161	3678-7/12/18	1.875	1.875	1.470	1.470	200,000000	-	200,000000	200,000000	-	Dự án đang làm thủ tục quyết toán, không có khối lượng và không đảm bảo giải ngân theo đúng thời gian quy định
IV	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						14.650	14.650	13.500	13.500	4.985,667000	1.703,572000	3.282,095000	2.200,000000	2.785,667000	
1	Gia cố đê bao, hệ thống thu gom và xử lý nước rỉ rác, hồ chứa rác dự phòng tại khu chứa và xử lý rác thải Đại Hiệp (dự án khẩn cấp)	Sở Tài nguyên và Môi trường	7818010	426	261	587-06/3/20	14.650	14.650	13.500	13.500	4.985,667000	1.703,572000	3.282,095000	2.200,000000	2.785,667000	Thời gian vận hành thử là 3 tháng mới được giải ngân, hiện kế hoạch vận hành chưa được phê duyệt
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						553.725	438.957	299.224	284.163	73.360,097205	32.850,938000	40.509,159205	17.047,857000	56.312,240205	
V.1	THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI						98.500	98.500	54.000	54.000	30.214,048000	5.925,938000	24.288,110000	5.000,000000	25.214,048000	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn cắt giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi cắt giảm	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư									
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	Sửa chữa, nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa (giai đoạn 1)	BQL dự án ĐTXD các CT NN&PTNT	7747924	599	284	1624-31/5/19	98.500	98.500	54.000	54.000	30.214,048000	5.925,938000	24.288,110000	5.000,000000	25.214,048000	
V.2	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						320.000	205.232	158.806	143.745	43.098,192205	26.925,000000	16.173,192205	12.000,000000	31.098,192205	
1	Sửa chữa hoàn trả đoạn Km0+00 - Km3+00 tuyến đường ĐT609 (cũ)	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7774223	560	292	1622-31/5/19	40.000	37.232	26.341	26.341	5.000,000000	700,000000	4.300,000000	3.000,000000	2.000,000000	Vướng bồi thường giải phóng mặt bằng
2	Đường tránh lũ kết hợp phát triển đô thị Nam Phước, kết nối trung tâm hành chính huyện Duy Xuyên, Quốc lộ 1A và Quốc lộ 14H (tuyến ĐH20.DX theo qui hoạch)	UBND huyện Duy Xuyên	7760997		292	1620-31/5/19	280.000	168.000	132.464	117.403	38.098,192205	26.225,000000	11.873,192205	9.000,000000	29.098,192205	Chưa có nguồn đất để thực hiện dự án
V.3	ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ VÀ KINH TẾ MỚI						135.225	135.225	86.418	86.418	47,857000	-	47,857000	47,857000	-	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu tái định cư Duy Hải (giai đoạn 1)	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7181142	599	285	100-15/6/12	135.225	135.225	86.418	86.418	47,857000		47,857000	47,857000		Sử dụng nguồn vốn các dự án Khu tái định cư, nghĩa trang nhân dân vùng Đông Nam của tỉnh
B	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 (DỰ KIẾN PHÂN BỐ)						716.801	645.892	208.268	208.268	148.756,785600	1.193,031000	114.763,754600	64.126,971600	84.629,814000	
I	NGHỊ QUYẾT VỀ HỖ TRỢ TRÙNG TU DI TÍCH CẤP TỈNH, QUỐC GIA						12.596	12.596	10.272	10.272	12.800,000000	200,000000	1.800,000000	8.100,000000	4.700,000000	Nguồn ngân sách tập trung
1	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi Tháp Bắc và Tháp Giữa thuộc khu di tích Tháp Chăm Khương Mỹ	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7729216	560	161	2266-27/7/18	12.596	12.596	10.272	10.272	2.000,000000	200,000000	1.800,000000	1.800,000000	200,000000	Dự án không có khối lượng để giải ngân kế hoạch vốn đã cấp
2	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi Tháp Nam thuộc khu di tích Tháp Chăm Khương Mỹ										5.000,000000			3.000,000000	2.000,000000	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án đầu tư (*)
3	Tu bổ tháp Chăm Bằng An	Sở VH-TT&DL									5.000,000000			3.000,000000	2.000,000000	Chưa phê duyệt dự án đầu tư (*)
4	Di tích giếng Nhà Nhì										800,000000			300,000000	500,000000	
II	NGHỊ QUYẾT VỀ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG CNTT, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						-	-	-	-	22.000,000000	-	-	11.000,000000	11.000,000000	Nguồn tiết kiệm chi
1	Nâng cấp, triển khai Hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh và hệ thống ký số tập trung	Sở TT&TT									14.000,000000			7.000,000000	7.000,000000	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án đầu tư (*)
2	Xây dựng và triển khai các ứng dụng chính phủ điện tử giúp điều hành, quản lý và kết nối với người dân, doanh nghiệp										8.000,000000			4.000,000000	4.000,000000	
III	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG GẮNG VỚI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU						91.430	55.620	23.400	23.400	23.400,000000	-	23.400,000000	7.000,000000	16.400,000000	Nguồn tiết kiệm chi
1	Đường vào khu sản xuất xã Tiên Châu	UBND huyện Tiên Phước	7894521		292	1086-20/4/21	19.810	13.500	5.600	5.600	5.600		5.600,000000	1.000,000000	4.600,000000	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn cắt giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi cắt giảm	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư									
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
2	Đường giao thông vào vùng nguyên liệu xã Trà Đơn	UBND huyện Nam Trà My	7905678		292	1800-30/6/21	18.820	14.670	6.100	6.100	6.100		6.100,000000	1.500,000000	4.600,000000	
3	Đường vào khu nguyên liệu xã Tà Bhing	UBND huyện Nam Giang					36.300	12.600	5.500	5.500	5.500		5.500,000000	3.000,000000	2.500,000000	Chưa phê duyệt dự án (*)
4	Đường từ thôn H'júh đi thôn Atu I về thôn Cha'nốc, xã Ch'Ơm	UBND huyện Tây Giang	7903379		292	1624-15/6/21	16.500	14.850	6.200	6.200	6.200		6.200,000000	1.500,000000	4.700,000000	
IV	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						147.712	147.712	29.678	29.678	19.000,000000	-	19.000,000000	3.470,186000	15.529,814000	
1	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Nam	Sở Y tế	7481103	423	132	2238-21/7/14	142.078	142.078	29.678	29.678	16.000,000000		16.000,000000	1.370,186000	14.629,814000	Dự án đang làm thủ tục điều chỉnh dự án, tiến độ thi công gián đoạn, không đảm bảo khối lượng để giải ngân vốn. Nguồn xỏ số kiến thiết
2	Hệ thống xử lý chất thải Trung tâm Da liễu tỉnh Quảng Nam						3.163	3.163			2.000,000000		2.000,000000	1.400,000000	600,000000	Chưa phê duyệt dự án. Nguồn ngân sách tập trung (*)
3	Hệ thống xử lý chất thải Trung tâm Y tế huyện Đại Lộc						2.471	2.471			1.000,000000		1.000,000000	700,000000	300,000000	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						407.263	372.164	133.918	133.918	55.056,785600	694,000000	54.362,785600	28.556,785600	26.500,000000	
V.1	THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI						62.039	47.939	14.500	14.500	14.500,000000	694,000000	13.806,000000	4.500,000000	10.000,000000	Nguồn ngân sách tập trung
1	Kiên cố hóa kè đập phụ Tây Yên (Tư Yên)	Cty TNHH MTV KTTL QNam	7905483	564	283	289-29/6/21	3.439	3.439	2.500	2.500	2.500,000000		2.500,000000	1.000,000000	1.500,000000	
2	Hồ chứa nước Châu Sơn, xã Quế An	UBND huyện Quế Sơn	7879933		283	3766-23/12/20	28.506	17.500	5.000	5.000	5.000,000000	694,000000	4.306,000000	1.500,000000	3.500,000000	
3	Kè bảo vệ KDC và các công trình hạ tầng công cộng dọc sông Tranh	UBND huyện Nam Trà My	7900269		292	1439-28/5/21	30.093	27.000	7.000	7.000	7.000,000000		7.000,000000	2.000,000000	5.000,000000	
V.1	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						210.000	189.000	33.000	33.000	33.000,000000	-	33.000,000000	16.500,000000	16.500,000000	
1	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh	UBND huyện Phước Sơn	7906488		292	1850-02/7/21	90.000	81.000	15.000	15.000	15.000		15.000,000000	7.500,000000	7.500,000000	Nguồn thu sử dụng đất
2	Đường giao thông nội bộ kết hợp kè gia cố mái taluy suối Khe Diềng khu trung tâm hành chính huyện Nam Giang	UBND huyện Nam Giang	7905194		292	1752-28/6/21	120.000	108.000	18.000	18.000	18.000		18.000,000000	9.000,000000	9.000,000000	Nguồn thu sử dụng đất
V.2	ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ VÀ KINH TẾ MỚI						135.225	135.225	86.418	86.418	7.556,785600	-	7.556,785600	7.556,785600	-	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu tái định cư Duy Hải (giai đoạn 1)	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7181142	599	285	100-15/6/12	135.225	135.225	86.418	86.418	7.556,785600		7.556,785600	7.556,785600	-	Nguồn tiết kiệm chi
VI	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						12.800	12.800	-	-	5.500,000000	-	5.500,000000	3.000,000000	2.500,000000	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn cắt giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi cắt giảm	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư									
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
VI.1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						9.800	9.800	-	-	4.000,000000	-	4.000,000000	2.000,000000	2.000,000000	
1	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở Công an tỉnh	Công an tỉnh					9.800	9.800		-	4.000		4.000,000000	2.000,000000	2.000,000000	Nguồn tiết kiệm chi (*)
VI.2	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI						3.000	3.000	-	-	1.500,000000	-	1.500,000000	1.000,000000	500,000000	
1	Sửa chữa trụ sở làm việc Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Liên minh Hợp tác xã tỉnh					3.000	3.000		-	1.500,000000		1.500,000000	1.000,000000	500,000000	Nguồn ngân sách tập trung (*)
VII	BẢO ĐẢM XÃ HỘI						45.000	45.000	11.000	11.000	11.000,000000	299,031000	10.700,969000	3.000,000000	8.000,000000	
1	Trung tâm điều dưỡng người tâm thần tỉnh Quảng Nam (cơ sở 2)	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7893387	560	371	991-13/4/21	45.000	45.000	11.000	11.000	11.000,000000	299,031000	10.700,969000	3.000,000000	8.000,000000	Dự án đang phê duyệt thiết kế - dự toán. Nguồn ngân sách tập trung

Ghi chú: (*) Chưa phân bổ kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư.